

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST

Ngày 27-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Thế Kỳ và ông Phan Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'lấp tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Nghĩa M (tên gọi khác: T), sinh năm 2000 tại tỉnh Đắc Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Viết Đ và bà Nguyễn Thị A; vợ là Trần Thị Thủy T1 và 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/10/2018 thực hiện hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, bị khởi tố theo yêu cầu của bị hại và được đình chỉ vụ án do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố tại Quyết định đình chỉ vụ án hình sự số: 01/2019/HSST-QĐ ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp; bị tạm giữ, tạm giam từ 17/12/2024 đến 13/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, đang tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Từ Tú T2, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc M1, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

- Anh Lê Hữu Tuấn A1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Anh Đặng Văn N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Anh Hoàng Hữu T4, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Anh Đoàn Văn N1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Anh Mai Hồ D, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Chị Thạch Thị Cẩm P, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Chị Mai Thị Ngọc M2, sinh năm 2005; địa chỉ thường trú: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nơi ở hiện tại: Số A đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.
- Chị Phạm Thị H1, sinh năm 2002; địa chỉ thường trú: Bon N'jang Bơ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện tại: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Bà Hồ Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
- Anh Phan Thái Q, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ năm 2023 đến tháng 12/2024, trên địa bàn huyện Đ bị cáo Bùi Nghĩa M đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm, gấp từ 5,475 lần đến 18,25 lần so với lãi suất tối đa mà Bộ luật Dân sự cho phép, trong đó có anh Từ Tú T2, chị Nguyễn Thị Ngọc M1, anh Lê Hữu Tuấn A1, anh Nguyễn Đức T3, anh Đặng Văn N, chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Hoàng Hữu T4, anh Đoàn Văn N1, chị Mai Hồ D, chị Thạch Thị Cẩm P, chị Mai Thị Ngọc M2, chị Phạm Thị H1, bà Hồ Thị L, anh Phan Thái Q. Tổng số tiền gốc bị cáo sử dụng để cho vay đủ điều kiện xử lý trách nhiệm

hình sự là 417.000.000 đồng, nhằm thu lợi bất chính số tiền là 289.025.406 đồng, trong đó:

1. Anh Từ Tú T2 vay M 05 lần với tổng cộng tiền gốc là 100.000.000 đồng; lãi suất cho vay từ 6.000 đồng đến 10.000 đồng/01 triệu/ngày (*trương ứng 219%/năm đến 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần, trong đó: **Lần 1** vay 30.000.000 đồng ngày 11/12/2023 với lãi suất 6.000 đồng /01 triệu/ngày, đến ngày 09/02/2024 trả toàn bộ tiền gốc và 10.800.000 đồng tiền lãi; **lần 2** vay 20.000.000 đồng ngày 20/202/2024 với lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/ngày và tính lãi đến ngày 11/3/2025 là 4.000.000 đồng, đã trả toàn bộ tiền lãi còn tiền gốc chuyển cộng vào lần vay sau; **lần 3** vay thêm 10.000.000 đồng ngày 15/3/2024 với lãi suất 10.000 đồng /01 triệu/ngày, cộng với khoản tiền gốc **lần 2** chưa trả thành 30.000.000 đồng và tính lãi đến ngày 14/4/2025 là 9.000.000 đồng, đã trả toàn bộ tiền lãi còn tiền gốc chuyển cộng vào lần vay sau; **lần 4** vay thêm 20.000.000 đồng ngày 15/4/2024 với lãi suất 10.000 đồng /01 triệu/ngày, cộng với khoản tiền gốc **lần 3** chưa trả thành 50.000.000 đồng và tính lãi đến ngày 14/5/2024 là 15.000.000 đồng, đã trả toàn bộ tiền lãi còn tiền gốc chuyển sang lần vay sau; **lần 5** vay thêm 20.000.000 đồng ngày 15/5/2024 với lãi suất 10.000 đồng /01 triệu/ngày, cộng với khoản tiền gốc **lần 4** chưa trả thành 70.000.000 đồng và tính lãi đến ngày 04/6/2024 là 14.000.000 đồng, đã trả toàn bộ tiền lãi và tiền gốc; **lần 6** vay lại 60.000.000 đồng ngày 05/6/2024 với lãi suất 10.000 đồng /01 triệu/ngày đến ngày 05/7/2024 đã trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi là 18.000.000 đồng; **lần 7** vay lại 60.000.000 đồng ngày 06/7/2024 với lãi suất 8.000 đồng /01 triệu/ngày, đến ngày 05/8/2024 đã trả toàn bộ tiền gốc và 14.400.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi anh T2 đã trả cho M là 85.200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 5.259.840 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 79.940.160 đồng.

2. Anh Phan Thái Q vay Mạo 01 lần 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*trương ứng 182,5%/năm*), anh Q đã trả lãi đến hết tháng 11/2023; từ tháng 12/2023 giảm lãi xuống còn 3.000 đồng/01 triệu/ngày (*trương ứng 109,5%/năm*); hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần. Tổng số tiền lãi anh Q phải trả theo thỏa thuận là 21.060.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 3.846.258 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 17.213.742 đồng; anh Q đã trả 19.800.000 đồng tiền lãi (trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 3.616.140 đồng, tiền thu lợi bất chính là 16.183.860 đồng và đang còn nợ 20.000.000 đồng tiền gốc và 1.260.000 đồng tiền lãi).

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc M1 vay M 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 10.000 đồng/01 triệu/ngày (*trương ứng 365%/năm*); hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần, trong đó: **Lần 1** vay 5.000.000 đồng

ngày 25/9/2024, đến ngày 24/12/2024 trả toàn bộ 4.500.000 đồng tiền lãi; **lần 2** vay 5.000.000 đồng ngày 06/10/2025, đến ngày 05/12/2024 trả toàn bộ 3.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi chị M1 phải trả theo thỏa thuận là 7.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.925 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 7.089.075 đồng. Chị M1 đang còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc.

4. Anh Lê Hữu Tuấn A1 vay Mạo 01 lần 15.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 4.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương ứng 146%/năm*); hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần. Tổng số tiền lãi anh Tuấn A1 phải trả theo thỏa thuận là 10.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.479.330 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 9.320.670 đồng; anh Tuấn A1 đã trả toàn bộ tiền lãi và đang còn nợ 15.000.000 đồng tiền gốc.

5. Anh Nguyễn Đức T3 vay Mạo 03 lần, tổng số tiền gốc vay là 130.000.000 đồng, lãi suất từ 3.000 đồng đến 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương ứng từ 109,5% đến 146%/năm*), hai bên thỏa thuận 30 ngày trả lãi 01 lần, tương ứng với các khoản vay, trong đó: **Lần 1** vay 30.000.000 đồng ngày 12/5/2024 với lãi suất 4.000 đồng /01 triệu/ngày, đến ngày 08/12/2024 đã trả toàn bộ 25.200.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc; **lần 2** vay 100.000.000 đồng ngày 22/4/2024 với lãi suất 3.000 đồng /01 triệu/ngày, đến ngày 19/12/2024 trả toàn bộ 45.000.000 đồng tiền lãi; **lần 3** vay 25.000.000 đồng ngày 12/12/2024 với lãi suất 4.000 đồng /01 triệu/ngày, đến ngày 08/01/2025 trả toàn bộ 3.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi anh T3 phải trả theo thỏa thuận là 73.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 12.081.195 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 61.118.805 đồng (tiền lãi của khoản nợ 100.000.000 đồng là 36.781.500 đồng); anh T3 đã trả toàn bộ tiền lãi cho các khoản vay và 5.000.000 đồng tiền gốc, đang còn nợ lại 125.000.000 đồng tiền gốc.

6. Anh Đặng Văn N vay của M 02 lần, tổng số tiền gốc vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương ứng 365%/năm*); hai bên thỏa thuận cứ 10 ngày trả lãi 01 lần tương ứng với các khoản vay, trong đó: **Lần 1** vay 10.000.000 đồng ngày 22/8/2024, đến ngày 20/12/2024 đã trả toàn bộ 12.000.000 đồng tiền lãi; **lần 2** vay 5.000.000 đồng ngày 06/11/2024, đến ngày 26/12/2024 đã trả toàn bộ 2.500.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi anh N phải trả theo thỏa thuận là 14.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định của pháp luật là 794.455 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 13.705.545 đồng. Anh N đã trả toàn bộ tiền lãi theo thỏa thuận và nợ lại 15.000.000 đồng tiền gốc.

7. Chị Nguyễn Thị Tuyết H vay của M 01 lần 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương ứng 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày

trả lãi 01 lần. Tiền lãi chị H phải trả theo thỏa thuận là 21 triệu, trong đó tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.150.590 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 19.849.410 đồng; chị H đã trả hết toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho M.

8. Anh Hoàng Hữu T4 vay của M 01 lần 20.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương ứng 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần. Tiền lãi anh T4 phải trả theo thỏa thuận là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 109.580 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 1.890.420 đồng; anh T4 đã trả hết toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho M.

9. Anh Đoàn Văn N1 vay của M 01 lần 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương ứng 146%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần. Tiền lãi anh N1 phải trả theo thỏa thuận là 10.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.479.330 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 9.320.670 đồng; anh N1 đã trả hết toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho M.

10. Anh Mai Hồ D vay tiền của M 03 lần, tổng số tiền gốc vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương ứng 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần, trong đó: **Lần 1** vay 5.000.000 đồng ngày 29/4/2024, đến ngày 09/5/2024 đã trả toàn bộ 500.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc; **lần 2** vay 5.000.000 đồng ngày 18/7/2024, đến ngày 17/8/2024 đã trả toàn bộ 1.500.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc; **lần 3** vay 5.000.000 đồng ngày 06/10/2024, đến ngày 05/11/2024 đã trả toàn bộ 1.500.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi anh D phải trả theo thỏa thuận là 3.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định của pháp luật là 191.765 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 3.308.235 đồng; anh D đã trả hết toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho M.

11. Chị Thạch Thị Cẩm P vay của M 01 lần 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương ứng 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần. Tiền lãi chị P phải trả theo thỏa thuận là 20.100.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.101.279 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 18.998.721 đồng. Chị P đã trả 19.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 1.041.010 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật tiền M thu lợi bất chính số tiền 17.958.990 đồng; chị P còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.100.000 đồng tiền lãi.

12. Chị Mai Thị Ngọc M2 vay của M 01 lần 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương ứng 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần. Tiền lãi chị M2 phải trả theo thỏa thuận là 10.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 591.732 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 10.208.268 đồng. Chị M2 đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó 164.370 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật, tiền thu lợi bất chính là 2.835.630 đồng; chị M2 còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc và 7.800.000 đồng tiền lãi.

13. Chị Phạm Thị H1 vay của M với 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 7.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*trương ứng 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần, trong đó: **Lần 1** vay 5.000.000 đồng ngày 02/6/2024, đến ngày 30/9/2024 đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi; **lần 2** vay 2.000.000 đồng ngày 08/6/2024, đến ngày 06/10/2024 đã trả 2.400.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi chị H1 phải trả theo thỏa thuận là 13.460.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 737.473 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 12.722.527 đồng. Chị H1 đã trả 8.400.000 đồng tiền lãi, trong đó 460.236 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật, tiền thu lợi bất chính số tiền 7.939.764 đồng; chị H1 còn nợ lại 7.000.000 đồng tiền gốc và 5.060.000 đồng tiền lãi.

14. Bà Hồ Thị L vay của M 02 lần, tổng số tiền gốc vay là 25.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*trương ứng 365%/năm*), hai bên thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần, trong đó: **Lần 1** vay 5.000.000 đồng ngày 11/8/2024, đến ngày 09/11/2024 đã trả 4.500.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc; **lần 2** vay 20.000.000 đồng ngày 10/9/2024, đến ngày 09/11/2024 đã trả toàn bộ 12.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi bà L phải trả theo thỏa thuận là 25.750.001 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.410.843 đồng và tiền M thu lợi bất chính là 24.339.158 đồng. Bà L đã trả 16.500.000 đồng tiền lãi, trong đó 904.035 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật, tiền thu lợi bất chính là 15.595.965 đồng và 5.000.000 tiền gốc; bà L còn nợ lại 20.000.000 đồng tiền gốc và 9.250.000 đồng tiền lãi.

Quá trình điều tra còn xác định M cho 05 cá nhân vay tiền với 08 lượt vay (anh Nguyễn Văn H2 vay 3 lần, anh Vũ Đức T5 vay 01 lần, chị Nguyễn Thị Thanh Thanh H3 vay 02 lần, anh Phan Thái Q vay 01 lần và anh Nguyễn Hữu T6 vay 01 lần). Tổng số tiền cho vay là 95.000.000 đồng, tiền lãi tính theo ngày với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 15.000 đồng/1triệu/ngày (*trương ứng với mức lãi suất từ 109.5%/ năm đến 547,5%/ năm*), gấp từ 5,475 lần đến 27 lần so với lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mạo đã thu lãi của người vay 120.100.000 đồng, trong đó tiền lãi trong giới hạn pháp luật cho phép là 6.136.480 đồng, tiền lãi vượt quá thu lợi bất chính là 113.963.520 đồng; tuy nhiên những lần cho vay này tiền lãi M thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng và tính đến ngày phát hiện (ngày 16/12/2024) đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý lại đối với những lần cho vay này.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Nghĩa M thu giữ 29 giấy tờ cho vay tiền, trong đó một số giấy tờ cho vay thể hiện thông tin của những người vay như: Phạm Quốc T7, Nguyễn Quang T8, Phạm Thanh H4, Nguyễn Kiều T9; Lưu Văn T10; Phan Sỹ H5 và Lê Bá T11; quá trình điều tra xác định những người vay trên

không có thông tin cụ thể, không có mặt tại địa phương nên chưa có cơ sở đề cập xử lý.

Về thu giữ vật chứng, tạm giữ đồ vật: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu xám bạc, số IMEI 1: 350719115994346, IMEI 2: 350719118862060 gắn sim điện thoại di động số 0339.543.135; 29 tờ giấy cho mượn tiền giữa Bùi Nghĩa M và người vay; bị cáo M giao nộp 20.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 46/CT-VKS-ĐL ngày 23/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp đã truy tố bị cáo Bùi Nghĩa M về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Nghĩa M phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Nghĩa M từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng; về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động Iphone 15 gắn sim điện thoại di động số 0339543135 và 20.000.000 đồng; truy thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo và người vay đối với số tiền bị cáo sử dụng để cho vay và tiền lãi theo mức tối đa pháp luật cho phép mà bị cáo đã nhận; buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền lãi thu lợi bất chính bị cáo đã nhận và tiếp tục phong tỏa tài khoản của bị cáo Bùi Nghĩa M theo các lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã

được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến tháng 12/2024, trên địa bàn huyện Đ, bị cáo Bùi Nghĩa M đã cho 14 người vay tiền, với 28 lượt vay (anh Từ Tú T2, chị Nguyễn Thị Ngọc M1, anh Lê Hữu Tuấn A1, anh Nguyễn Đức T3, anh Đặng Văn N, chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Hoàng Hữu T4, anh Đoàn Văn N1, anh Mai Hồ D, chị Thạch Thị Cẩm P, chị Mai Thị Ngọc M2, chị Phạm Thị H1, bà Hồ Thị L), lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 730%/năm, gấp từ 5,475 lần đến 36,5 lần so với lãi suất tối đa mà Bộ luật Dân sự cho phép. Tổng số tiền M sử dụng cho vay là **417.000.000 đồng**, nhằm thu lợi bất chính là **289.025.406 đồng**, trong đó số lần thu lợi bất chính đủ yếu tố cấu thành tội phạm là **01 lần** (36.781.500 đồng đối với khoản nợ của anh T3 ngày 22/7/2024). Hành vi bị cáo đã thực hiện và số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản cho vay, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo đồng thời ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện giao nộp được 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hoạt động tín dụng của Nhà nước, gây mất ổn định trong hoạt động kinh tế và lợi ích vật chất của người vay, gây ra nhiều hệ lụy xã hội như gia tăng tội phạm, mất ổn định an ninh trật tự, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Số tiền bị cáo cho vay với mục đích để người vay chi tiêu, mua tài sản phục vụ nhu cầu cá nhân, không có trường hợp

nào sử dụng tài sản vay để thực hiện hành vi trái pháp luật. Vì vậy, hình phạt áp dụng đối với bị cáo cần nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Đối với khoản tiền bị cáo sử dụng để cho vay và khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo đã thu cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong đó bị cáo đã nhận lại 185.000.000 đồng tiền cho vay (tiền gốc) và 30.644.595 đồng tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật D1 sụ tổng cộng là 215.644.595 đồng, bị cáo đã nộp lại 20.000.000 đồng nên tiếp tục truy thu bị cáo 195.644.595 đồng; truy thu của anh Q 20.000.000 đồng, chị M1 10.000.000 đồng, anh Tuấn A1 15.000.000 đồng, anh T3 125.000.000 đồng, anh N 15.000.000 đồng, chị P 10.000.000 đồng, chị M2 10.000.000 đồng, chị H1 7.000.000 đồng; bà L 20.000.000 đồng.

Đối với 264.555.405 đồng tiền lãi vượt quá quy định pháp luật cho phép bị cáo đã thu được trả lại cho người vay theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong đó bị cáo phải trả lại cho anh T2 79.940.160 đồng, anh Q 16.183.860 đồng, chị M1 7.089.075 đồng, anh Tuấn A1 9.320.670 đồng, anh T3 61.118.805 đồng, anh N 13.705.545 đồng, chị H 19.849.410 đồng, anh T4 1.890.420 đồng, anh N1 9.320.670 đồng, anh D 3.308.235 đồng, chị P 17.958.990 đồng, chị M2 2.835.630 đồng, chị H6 7.939.764 đồng, bà L 15.595.965 đồng.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản của bị cáo Bùi Nghĩa M theo các lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 29 tờ giấy cho mượn tiền giữa Bùi Nghĩa M và người vay xác định là tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án nên không xem xét xử lý. Đối với 01 điện thoại di động Iphone 15 có gắn sim số 0339543135 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Nghĩa M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Nghĩa M** 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S22 bên trong gắn Sim số 0789789197.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 28/5/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp.)

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 20.000.000 (hai mươi triệu nghìn) đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự tại Kho bạc nhà nước huyện Đ ngày 28/02/2025.

3.2. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Bùi Nghĩa M 195.644.595 (một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi lăm) đồng.

3.3. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với: anh Phan Thái Q 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc M1 10.000.000 (mười triệu) đồng, anh Lê Hữu Tuấn A1 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, anh Nguyễn Đức T3 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng, anh Đặng Văn N 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, chị Thạch Thị Cẩm P 10.000.000 (mười triệu) đồng, chị Mai Thị Ngọc M2 10.000.000 (mười triệu) đồng, chị Phạm Thị H1 7.000.000 (bảy triệu) đồng; bà Hồ Thị L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3.4. Buộc bị cáo Bùi Nghĩa M trả lại cho:

Anh Từ T12 Tiền 79.940.160 (bảy mươi chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn một trăm sáu mươi) đồng;

Anh Phan Thái Q 16.183.860 (mười sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi) đồng;

Chị Nguyễn Thị Ngọc M3 7.089.075 (bảy triệu không trăm tám mươi chín nghìn không trăm bảy mươi lăm) đồng;

Anh Lê Hữu Tuấn A1 9.320.670 (chín triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi) đồng;

Anh Nguyễn Đức T3 61.118.805 (sáu mươi một triệu một trăm mười tám nghìn tám trăm lẻ năm) đồng;

Anh Đặng Văn N 13.705.545 (*mười ba triệu bảy trăm lẻ năm nghìn năm trăm bốn mươi lăm*) đồng;

Chị Nguyễn Thị Tuyết H 19.849.410 (*mười chín triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm mười*) đồng;

Anh Hoàng Hữu T4 1.890.420 (*một triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm hai mươi*) đồng;

Anh Đoàn Văn N1 9.320.670 (*chín triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi*) đồng;

Anh Hồ Sỹ D2 3.308.235 (*ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn hai trăm ba mươi lăm*) đồng;

Chị Thạch Thị Cẩm P 17.958.990 (*mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm chín mươi*) đồng;

Chị Mai Thị Ngọc M2 2.835.630 (*hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi*) đồng;

Chị Phạm Thị H6 7.939.764 (*bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi bốn*) đồng;

Bà Hồ Thị L 15.595.965 (*mười lăm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 050135248212 và số 050906949999 của bị cáo Bùi Nghĩa M tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ1 – Phòng G (theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 399/LPT-CSĐT ngày 18/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, ghi là tại Ngân hàng S1 – Phòng G1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) và tài khoản số 056782345 của bị cáo Bùi Nghĩa M tại Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh Đ1 – Phòng G (theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 400/LPT-CSĐT ngày 18/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, ghi là tại Ngân hàng N3 – Phòng G, tỉnh Đắk Nông).

4 Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Nghĩa M phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Phòng PC 10, PV 06 – CA tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk R'lấp;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Tuấn